TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày: 04-01-2024
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Thiện;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Đào.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Hoàng Liêm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa*:** Bà Lâm Phượng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Dương Minh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 193/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Tuyết Tr, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 10, ấp B, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Lê Văn L, sinh năm 1994. Địa chỉ: đường Trường Chinh, khu phố 4B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ 10, ấp B, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền cho bà T: Anh Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (có mặt đến khi Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án thì tự ý bỏ về)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cháu Nguyễn Ngọc Hi, sinh ngày 21/02/2013. Địa chỉ: Tổ 10, ấp B, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

3.2. Cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 14/8/2015. Địa chỉ: Tổ 10, ấp B, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người giám hộ cho Nguyễn Ngọc Hi và Nguyễn Thị Ngọc H: Chị Huỳnh Thị Tuyết Tr, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 10, ấp B, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền cho chị Tr: Anh Lê Văn L, sinh năm 1994. Địa chỉ: đường Trường Chinh, khu phố 4B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 17-4-2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Nguyên đơn thống nhất trình bày:

Chị Tr là vợ của anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh vào ngày 27/04/2012. Anh Nguyễn Ngọc T đã chết ngày: 18/02/2023, được đăng ký khai tử tại Ủy ban nhân dân xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh số 17, ngày 20/02/2023.

Trong thời gian chung sống chị Tr và anh T có với nhau 02 người con là Nguyễn Ngọc Hi và Nguyễn Thị Ngọc H. Anh T có cha là ông Nguyễn Trọng S, sinh năm: 1949, đã chết ngày14/04/1989, theo giấy chứng tử số 58, quyển số 01/2006 được Ủy ban nhân dân xã Phước Minh cấp vào ngày 25/10/2006 và mẹ là Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1959.

Anh Nguyễn Ngọc T chết để lại di sản là 01 quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 39, diện tích là: 9695,2m^2, địa chỉ đất tại: xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 03102, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp vào ngày 13/12/2018, đất cấp cho anh Nguyễn Ngọc T đứng tên là chủ sử dụng; nguồn gốc phần đất này do anh T được mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Bích T tặng cho vào năm 2018. Trước khi chết anh T không có lập di chúc nên có phát sinh tranh chấp về tài sản thừa kế giữa chị Tr với bà T đối với phần tài sản trên.

Nay chị Tr và cũng là người giám hộ cho 02 con yêu cầu Toà án phân chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 39, diện tích là: 9695,2m^2. Chia thành 04 phần bằng nhau cho các đồng thừa kế gồm: Bà Huỳnh Thị Tuyết Tr, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Ngọc Hi, Nguyễn Thị Ngọc H; chị Tr và 02 con chung có yêu cầu được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất; không có yêu cầu chia phần diện tích đất 258,7m^2 thuộc đường đất theo BĐĐC và 181,4m^2 thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 39 (đã cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị Trang). Chị Tr không có yêu cầu chia tài sản trên đất.

Ngoài ra, đại diện nguyên đơn trình bày nếu bị đơn thống nhất hoà giải thành thì nguyên đơn đồng ý nhận phần diện tích đất trống (không có nhà) khoảng 18,5 mét ngang và giao diện tích còn lại cùng 02 căn nhà, trong đó có căn nhà của vợ chồng chị Tr cho bà T được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng.

Thống nhất kết quả đo đạc của Công ty cổ phần tư vấn đo đạc và dịch vụ bất động sản Điền Thịnh.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện của Bị đơn trình bày:

Thống nhất di sản thừa kế của anh Nguyễn Ngọc T để lại là phần đất thửa số 21, tờ bản đồ số 39, diện tích 9.695,2m^2 tại xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị Bích T tặng cho vào năm 2018 nhưng bị đơn không thống nhất về cách phân chia theo yêu cầu của nguyên đơn; bị đơn chỉ đồng ý chia cho chị Tr và 2 người con diện tích đất ngang 19 mét mặt tiền đường Trần Lệ Xuân, hậu 17 mét dài hết đất (tương đương 3 hàng cao su) trong diện tích đất có 02 căn nhà trên đất.

Anh cũng thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn về việc hoà giải thành với nội dung nguyên đơn đồng ý nhận phần diện tích đất trống (không có nhà) khoảng 18,5 mét ngang và giao diện tích còn lại cùng 02 căn nhà, trong đó có căn nhà của vợ chồng chị Tr cho bà T được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng nhưng bà T (mẹ anh) không đồng ý nên anh không quyết định được, do đó yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh không có tranh chấp phần diện tích đất 258,7m^2 thuộc đường đất theo BĐĐC và 181,4m^2 thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 39 (đã cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị Trang). Thống nhất kết quả đo đạc của Công ty cổ phần tư vấn đo đạc và dịch vụ bất động sản Điền Thịnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đại diện nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng đại diện cho bị đơn tự ý bỏ về trong khi Toà án đang mở phiên toà nên Toà án vẫn tiếp tục xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của chị Tr đối với bà T, chia di sản thừa kế của anh T là quyền sử dụng đất thửa đất số 21, tờ bản đồ số 39 tọa lạc xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị Tr và 02 cháu Hiền, Hậu được nhận phần đất (không có nhà) ngang giáp đất ông Hồng Thanh T (theo hiện trạng) đến giáp với căn nhà bà T đang sử dụng; bà T được nhận phần đất còn lại (trên đất có 02 căn nhà). Chị Tr tự nguyện giao lại cho bà T được sở hữu, sử dụng căn nhà của vợ chồng anh T, chị Tr xây dựng.

Ghi nhận các bên đương sự thống nhất không tranh chấp tài sản trên đất.

Về án phí: Đương sự chịu theo quy định của pháp luật, trừ đương sự được miễn phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định hàng thừa kế theo pháp luật: Các đương sự thống nhất anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1989, mất năm 2023; anh T chết nhưng không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất theo quy định pháp luật của anh T được xác định như sau: mẹ là Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1959; chị Huỳnh Thị Tuyết Tr (vợ anh T) và 02 người con là Nguyễn Ngọc Hi và Nguyễn Thị Ngọc H. Anh T không có cha mẹ nuôi và con nuôi.

[2] Về di sản thừa kế: Các đương sự thống nhất anh Nguyễn Ngọc T chết để lại di sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 39, diện tích là: 9695,2m^2, địa chỉ đất tại: xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 03102, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp vào ngày 13/12/2018, cho anh Nguyễn Ngọc T đứng tên là chủ sử dụng. Ngoài ra anh T không còn tài sản nào khác.

[3] Căn cứ kết quả đo đạc hiện trạng của Công ty cổ phần tư vấn đo đạc và dịch vụ bất động sản Điền Thịnh thì phần đất tranh chấp theo hiện trạng có tổng diện tích 9.455,7m^2, trong đó diện tích 258,7m^2 thuộc đường đất theo BĐĐC và 181,4m^2 thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 39 (đã cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị Trang); diện tích 1.778,2m^2 thuộc thửa số 21 tờ bản đồ số 39 (do anh Nguyễn Ngọc T đứng tên) và 7.237,4m^2 thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 39 (bà T, chị Tr đang quản lý sử dụng nhưng cấp giấy chứng nhận cho ông Hồng Thanh T). Các đương sự thống nhất không có yêu cầu chia phần diện tích đất 258,7m^2 thuộc đường đất theo BĐĐC và 181,4m^2 thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 39 (đã cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị Trang).

Do đó, hiện trạng đất bà T, chị Tr sử dụng bị lệch vị trí so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho anh Nguyễn Ngọc T. Căn cứ công văn số 1728/UBND ngày 08/11/2023 của Uỷ ban nhân dân Huyện Dương Minh Châu xác định trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp không đúng quy định thì cơ quan có thẩm quyền sẽ thu hồi và cấp lại cho người sử dụng theo thực tế;

[4] Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thể hiện: Trên đất có 02 căn nhà: 01 căn nhà cấp 4 bà T sử dụng xây dựng vào năm 2005, không còn giá trị khấu hao, diện tích 4m x 14m; mái che khung sắt tiếp giáp nhà bà T diện tích 2,5m x 11m giá trị còn lại 1.400.000; 01 căn nhà khung sắt vách tôn của chị Tr sử dụng diện tích 4m x 10m, giá trị còn lại 30.000.000 đồng. Trên đất có trồng 600 cây cao su 02 năm tuổi và một số cây hoa kiểng nhưng các đương sự thống nhất không yêu cầu chia tài sản trên đất nên không yêu cầu kiểm kê, định giá. Giá đất thực tế 70.000.000 đồng mét ngang tiếp giáp mặt đường Trần Lệ Xuân;

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị Tr yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất nói trên thành 04 phần bằng nhau cho các đồng thừa kế gồm: chị Huỳnh Thị Tuyết Tr, bà Nguyễn Thị Bích T và hai con của anh T là cháu Nguyễn

Ngọc Hi, Nguyễn Thị Ngọc H; chị Tr và 02 con chung có yêu cầu được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất, chị Tr không có yêu cầu chia tài sản trên đất.

Xét thấy, quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của anh Nguyễn Ngọc T các đương sự đều thống nhất xác nhận có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị Bích T (mẹ ruột anh T) tặng cho anh T vào năm 2018, sau khi anh T mất thì bà T là người trực tiếp quản lý sử dụng đất, bà T hiện đang sống một mình trong căn nhà cấp 4 trên đất, bà T không có tài sản nào khác. Do đó khi phân chia cần xem xét đến nguồn gốc tài sản, công sức đóng góp và đảm bảo được cuộc sống bình thường của bà T (bà T là người cao tuổi).

[6] Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn có nguyện vọng hoà giải thành được nhận diện tích đất giáp đất ông Hồng Thanh T (theo hiện trạng) đến giáp với căn nhà bà T đang sử dụng và tự nguyện giao lại cho bà T được sở hữu sử dụng căn nhà của vợ chồng chị Tr. Căn cứ kết quả khảo sát đo đạc diện tích đất theo yêu cầu của nguyên đơn có chiều ngang 18,5 mét (nhỏ hơn ½ tổng diện tích đất là di sản thừa kế). Xét thấy, trình bày của nguyên đơn là phù hợp và việc xét xử phân chia cũng đảm bảo được điều kiện sống của bà T (căn nhà bà T được giữ nguyên hiện trạng). Do đó, chia cho chị Tr cùng hai con phần đất có diện tích 4.123,1m^2 (ngang 18,5 mét), có tứ cận: Đông giáp: đường đất theo BĐĐC 2010 dài 18,5m; Tây giáp: đường Trần Lệ Xuân dài 18,5m; Nam giáp: Phần còn lại thửa 24, dài 94,09m + 140,81m (giáp đất ông Hồng Thanh T theo hiện trạng); Bắc giáp thửa 24 tờ 39, dài 247,17m, thuộc hiện trạng đất do bà T, chị Tr đang quản lý sử dụng nhưng đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Hồng Thanh T (do sử dụng đất sai vị trí). Trị giá tài sản được chia cho chị Tr và hai con là 1.295.000.000 đồng, tương đương mỗi suất thừa kế được hưởng là 431.666.000 đồng;

Bà Nguyễn Thị Bích T được quyền quản lý sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 4.892,4m^2 (thửa còn lại), có tứ cận: Đông giáp: đường đất theo BĐĐC 2010, dài 20,82m; Tây giáp: Đường Trần Lệ Xuân, dài 12,47m + 1,20m + 7,05m; Nam giáp: thửa 24 tờ 39, dài 248,33m, thuộc hiện trạng đất do bà T, chị Tr đang quản lý sử dụng nhưng đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho anh Hồng Thanh T (thửa đã chia cho chị Tr); Bắc giáp: thửa 21, dài 135,65m + 127,35m; trên đất có căn nhà của bà T đang sử dụng và 01 căn nhà của chị Tr, anh T xây cất. Giao 01 căn nhà khung sắt vách tôn của chị Tr, anh T xây cất diện tích 4m x 10m, giá trị còn lại 30.000.000 đồng cho bà T được quyền sở hữu, định đoạt.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tình tiết, nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận;

[8] Về chi phí đo đạc, thẩm định giá; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 14.200.000 đồng. Buộc mỗi bên phải chịu ½ số tiền này; ghi nhận chị Tr đã nộp tạm ứng xong nên buộc bà T phải nộp vào 7.100.000 đồng để hoàn trả lại cho chị Tr.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích T là người cao tuổi; hai con của chị Tr là trẻ em theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên bà T,

cháu Hiền, cháu Hậu được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị Tr phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 649; 650; 651; 660 Bộ luật dân sự 2015; Điều 106 Luật đất đai;

Căn cứ Điều 12; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Tuyết Tr về "Tranh chấp về thừa kế tài sản" đối với bà Nguyễn Thị Bích T.

Phân chia cho chị Huỳnh Thị Tuyết Tr cùng hai con là Nguyễn Ngọc Hi, Nguyễn Thị Ngọc H phần đất có diện tích 4.123,1m^2 (ngang 18,5 mét), có tứ cận: Đông giáp: đường đất theo BĐĐC 2010 dài 18,5m; Tây giáp: đường Trần Lệ Xuân dài 18,5m; Nam giáp: Phần còn lại thửa 24, dài 94,09m + 140,81m (giáp đất ông Hồng Thanh T theo hiện trạng); Bắc giáp thửa 24 tờ 39, dài 247,17m, thuộc hiện trạng đất do bà T, chị Tr đang quản lý sử dụng nhưng đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Hồng Thanh T.

Bà Nguyễn Thị Bích T được quyền quản lý sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 4.892,4m^2 (diện tích còn lại), có tứ cận: Đông giáp: đường đất theo BĐĐC 2010, dài 20,82m; Tây giáp: Đường Trần Lệ Xuân, dài 12,47m + 1,20m + 7,05m; Nam giáp: thửa 24 tờ 39, dài 248,33m, thuộc hiện trạng đất do bà T, chị Tr đang quản lý sử dụng nhưng đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho anh Hồng Thanh T (thửa đã chia cho chị Tr); Bắc giáp: thửa 21, dài 135,65m + 127,35m; trên đất có căn nhà của bà T đang sử dụng và 01 căn nhà của chị Tr, anh T xây cất.

Giao 01 căn nhà khung sắt vách tôn của chị Tr, anh T xây cất diện tích 4m x 10m, giá trị còn lại 30.000.000 đồng cho bà T được quyền sở hữu, định đoạt.

Kiến nghị Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03102, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 13/12/2018, cho anh Nguyễn Ngọc T đứng tên; thửa đất số 21, tờ bản đồ số 39, diện tích là: 9695,2m^2, địa chỉ tại: xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để cấp lại cho bà Nguyễn Thị Bích T và chị Huỳnh Thị Tuyết Tr (hai con Nguyễn Ngọc Hi, Nguyễn Thị Ngọc H) cho đúng với vị trí hiện trạng sử dụng và diện tích đất đã được phân chia như trên.

2. Về chi phí đo đạc, thẩm định giá; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Buộc bà Nguyễn Thị Bích T phải nộp vào 7.100.000 đồng để hoàn trả lại cho chị Huỳnh Thị Tuyết Tr.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Tuyết Tr phải chịu 21.580.000 đồng tiền án phí nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu số

0013308 ngày 18/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Chị Tr còn phải nộp 16.580.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Bích T, cháu Nguyễn Ngọc Hi, cháu Nguyễn Thị Ngọc H không phải chịu tiền án phí.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Lắm